

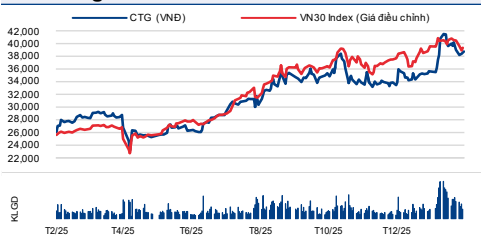
Mua vào

Giá mục tiêu: VNĐ43,419
Tiềm năng tăng/giảm: 12.0%

Giá cổ phiếu (đồng) (30/1/2026)	38,750
Mã Bloomberg	CTG VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	23,182-41,500
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	38,380
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	300,970
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	11,604
Slg CP lưu hành (tr.đv)	7,767
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	1,611
Slg CP NN được mua (tr.đv)	199
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	30.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	26.3%
Tỷ lệ freefloat	15.8%
Cổ đông lớn	NHNN Việt Nam (64.5%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-24A	12-25F	12-26F
Tổng tài sản (ntđ)	2,385	2,731	3,091
Dư nợ cho vay (ntđ)	1,722	2,015	2,337
Tổng thu nhập HĐ (ntđ)	81.9	87.3	98.4
Lợi nhuận thuần (ntđ)	25.3	32.1	37.5
BVPS (đồng)	18,995	22,367	26,474
EPS (đồng)	3,264	4,129	4,829
DPS (đồng)	0	311	346
T.trưởng cho vay KH (%)	16.9	17.0	16.0
T.trưởng thu nhập HĐ (%)	16.1	6.53	12.7
Tăng trưởng EPS (%)	27.4	26.5	17.0
Tăng trưởng DPS (%)	nm	nm	11.1
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	0	7.53	7.16
ROAE (%)	18.6	20.0	19.8
ROAA (%)	1.15	1.25	1.29
Tỷ lệ NIM (%)	2.93	2.65	2.67
Tỷ lệ CIR (%)	27.5	27.6	26.3
Hệ số CAR (%)	9.54	10.1	10.4
Tỷ lệ nợ xấu (%)	1.25	1.10	1.10
LLR/nợ xấu (%)	171	178	172
Hệ số LDR (%)	107	110	111
P/B (lần)	2.04	1.73	1.46
P/E (lần)	11.9	9.38	8.02
Lợi suất cổ tức (%)	0	0.80	0.89

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

Vietinbank là ngân hàng vốn nhà nước lớn thứ hai tại Việt Nam với danh mục cho vay cân bằng giữa các phân khúc khách hàng.

Chuyên viên phân tích

Phạm Liên Hà, CFA

Giám Đốc Cấp Cao, Ngành Dịch Vụ Tài
ha.plien@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4852

Nguyễn Thanh Tùng, CFA

Trưởng phòng, Ngành Dịch Vụ Tài Chính
tung.nguyenthanh@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4869

Q4/2025: Vượt đáng kể dự báo nhờ chi phí dự phòng giảm

- CTG đã công bố LNTT Q4/2025 đạt 13,9 nghìn tỷ đồng (tăng 14% so với cùng kỳ và tăng 31% so với quý trước), vượt đáng kể dự báo của chúng tôi, chủ yếu do chi phí dự phòng giảm mạnh (giảm 86% so với cùng kỳ) trong bối cảnh chất lượng tài sản cải thiện và đệm dự phòng vững chắc.
- Tín dụng tăng trưởng 15,6% so với cùng kỳ (đi ngang so với quý trước); tỷ lệ NIM tăng nhẹ lên 2,67%. Chất lượng tài sản vẫn ổn định với tỷ lệ nợ xấu ở mức 1,1% và tỷ lệ bao phủ nợ xấu LLR là 159%.
- Sau khi giá cổ phiếu tăng 8,5% trong 1 tháng qua, CTG đang giao dịch với P/B trượt dự phóng 1 năm là 1,44 lần – cao hơn so với bình quân quá khứ ở mức 1,19 lần nhưng thấp hơn khoảng 30% so với bình quân nhóm NHTM có vốn nhà nước – trong khi hệ số ROE dự phóng năm 2026 cao hơn ở mức khoảng 18% (so với khoảng 15%). Do tiềm năng tăng giá không còn nhiều, HSC đang xem xét lại khuyến nghị và giá mục tiêu.

Sự kiện: Công bố KQKD Q4/2025 vào ngày 30/1/2026

CTG đã công bố KQKD Q4/2025 khả quan với LNTT đạt 13,9 nghìn tỷ đồng (tăng 14% so với mức nền cao Q4/2024 và tăng 31% so với quý trước), vượt đáng kể dự báo của chúng tôi, chủ yếu nhờ chi phí dự phòng giảm mạnh 86% so với cùng kỳ, trong bối cảnh chất lượng tài sản cải thiện và đệm dự phòng vững chắc. Tính chung cả năm 2025, LNTT đạt tổng cộng 43,4 nghìn tỷ đồng (tăng trưởng 37%), hoàn thành 108% dự báo cả năm của chúng tôi.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 2/2.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: KQKD Q4/2025 và cả năm 2025, CTG

LNTT vượt dự báo nhờ chi phí dự phòng giảm mạnh

(Tỷ đồng)	Q4/24	Q4/25	So với cùng kỳ	2024	2025	Tăng trưởng	% HSCF
Thu nhập lãi thuần	16,312	17,96	10%	62,403	66,453	6%	101%
Thu nhập ngoài lãi	4,973	5,465	10%	19,506	20,842	7%	97%
Lãi thuần HĐ dịch vụ	1,24	1,697	37%	6,706	6,329	-6%	99%
Lãi thuần HĐKD ngoại hối	1,051	555	-47%	4,19	3,121	-26%	83%
Lãi thuần mua bán trái phiếu	22	53	140%	-240	856		86%
Thu nhập khác	2,631	3,088	17%	8,459	10,095	19%	102%
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	29	71	142%	391	440	13%	107%
Tổng thu nhập HĐ	21,285	23,425	10%	81,909	87,295	7%	100%
Chi phí HĐ	-6,576	-9,162	39%	-22,552	-26,551	18%	110%
Lợi nhuận HĐ trước trích lập dự phòng	14,71	14,262	-3%	59,357	60,744	2%	96%
Chi phí dự phòng	-2,464	-351	-86%	-27,599	-17,298	-37%	75%
LNTT	12,245	13,911	14%	31,758	43,446	37%	108%
Lợi nhuận thuần	9,792	11,053	13%	25,295	34,591	37%	108%
Tăng trưởng tín dụng				16.8%	15.6%		
Tỷ lệ NIM	2.91%	2.67%	-24 điểm cơ bản	2.97%	2.62%	-35 điểm cơ bản	
Tỷ lệ nợ xấu	1.25%	1.10%	-15 điểm cơ bản				

Nguồn: CTG, HSC

Tín dụng đi ngang so với quý trước nhưng tăng mạnh 15,6% so với cùng kỳ

Tổng dư nợ tín dụng nhìn chung đi ngang so với quý trước do CTG đã sử dụng gần hết hạn mức tín dụng được cấp trong 9 tháng đầu năm 2025. Theo đó, tổng tín dụng cả năm 2025 tăng trưởng 15,6%, dẫn dắt bởi phân khúc bán lẻ (tăng trưởng 19,4%), tiếp theo là phân khúc DNNVV (tăng trưởng 16,8%), trong khi phân khúc FDI và doanh nghiệp lớn tăng trưởng khoảng 12%. So với quý trước, cho vay bán lẻ và DNNVV tiếp tục tăng trưởng trong Q4 (tăng lần lượt 2,9% và 2,3%), trong khi cho vay FDI và doanh nghiệp lớn sụt giảm (giảm lần lượt 7,3% và 1% so với quý trước). Các khoản vay tiếp tục tập trung vào các kỳ hạn trung hạn (tăng 31% so với cùng kỳ và tăng 20% so với quý trước) và dài hạn (tăng 30% so với cùng kỳ và tăng 10% so với quý trước), trong khi các khoản vay ngắn hạn tăng 8,4% so với cùng kỳ nhưng giảm 5,9% so với quý trước.

Huy động tăng 11,9% so với cùng kỳ, tỷ lệ tiền gửi không kỳ hạn cải thiện

Tổng nguồn vốn sơ cấp (tiền gửi khách hàng và giấy tờ có giá) tăng nhẹ 0,5% so với quý trước và tăng 11,9% so với cùng kỳ. Hệ số LDR điều chỉnh (tổng tín dụng/vốn sơ cấp) giảm nhẹ xuống 101,4% từ 102% trong Q3/2025, nhưng vẫn cao hơn mức khoảng 98% trong 4 quý trước đó. Tỷ lệ tiền gửi không kỳ hạn tăng nhẹ 0,7 điểm phần trăm lên 25,5%. Tiền gửi KBNN giảm 16,9 nghìn tỷ đồng so với quý trước, tương đương khoảng 5,3% tổng nợ phải trả lãi (giảm từ 6% trong Q3/2025 và 6,6% tại thời điểm cuối năm 2024).

NIM phục hồi so với quý trước, nhưng mức thu hẹp so với cùng kỳ vẫn là điểm cần lưu ý

Tỷ lệ NIM phục hồi 6 điểm cơ bản so với quý trước đạt 2,67%, nhưng vẫn giảm 24 điểm cơ bản so với cùng kỳ. Sau khi giảm mạnh trong Q1/2025, tỷ lệ NIM đã ổn định và tăng nhẹ hàng quý kể từ Q2/2025; tuy nhiên, tỷ lệ NIM bình quân cả năm 2025 đạt 2,62%, vẫn giảm 35 điểm cơ bản so với cùng kỳ (so với mức giảm bình quân khoảng 45 điểm cơ bản so với cùng kỳ của ngành).

Trong Q4/2025, cả lợi suất tài sản và chi phí huy động đều tăng: lợi suất tài sản tăng 11 điểm cơ bản so với quý trước (so với mức tăng bình quân khoảng 30 điểm cơ bản của ngành), trong khi chi phí huy động chỉ tăng 4 điểm cơ bản so với quý trước (so với mức tăng bình quân 13 điểm cơ bản của ngành). Điều này cho thấy vị thế vững chắc của CTG trong việc huy động tiền gửi với tư cách là một NHTM có vốn nhà nước – từ đó giúp kiểm soát chi phí huy động – đồng thời cũng cho thấy dư địa điều chỉnh mặt bằng lãi suất cho vay hạn chế hơn, phù hợp với vai trò chính sách của Ngân hàng trong việc hỗ trợ tăng trưởng kinh tế.

Thu nhập ngoài lãi tăng 10%, thúc đẩy bởi lãi thuần HĐ dịch vụ và thu nhập từ thu hồi nợ xấu

Thu nhập ngoài lãi Q4/2025 trái chiều: Lãi thuần HĐ dịch vụ tăng 37% so với cùng kỳ và thu nhập khác (chủ yếu là thu nhập từ thu hồi nợ xấu) tăng 17% so với cùng kỳ, trong khi lãi thuần HĐ kinh doanh ngoại hối giảm 47% so với cùng kỳ. Các khoản mục khác có đóng góp không đáng kể.

Trong cả năm 2025, thu nhập ngoài lãi tăng trưởng 7%, chủ yếu nhờ thu nhập khác tăng trưởng 19% và HĐ mua bán trái phiếu ghi nhận lãi sau khi lỗ trong năm 2024. Trong khi đó, lãi thuần HĐ dịch vụ giảm 6% so với cùng kỳ và lãi thuần HĐ kinh doanh ngoại hối giảm 26% so với cùng kỳ. Nhìn chung, thu nhập ngoài lãi thấp hơn một chút so với dự báo của chúng tôi.

Chất lượng tài sản cải thiện hỗ trợ chi phí dự phòng giảm mạnh

Chất lượng tài sản đã cải thiện đáng kể so với cùng kỳ với tỷ lệ nợ xấu giảm xuống 1,1% (từ 1,25% trong Q4/2024) và nhìn chung ổn định so với quý trước. Tỷ lệ nợ nhóm 2 giảm 20 điểm cơ bản so với quý trước xuống 0,87%.

Chi phí dự phòng giảm mạnh xuống 350 tỷ đồng trong Q4/2025 (giảm 86% so với cùng kỳ) so với bình quân khoảng 6 nghìn tỷ đồng mỗi quý trong 2 năm qua, phản ánh chất lượng tài sản đã cải thiện và ổn định hơn. Do chi phí dự phòng Q4/2025 giảm mạnh, tỷ lệ bao phủ nợ xấu LLR giảm xuống 159% từ mức đỉnh 176,5% trong Q3/2025 nhưng vẫn đứng thứ hai trong ngành.

Chi phí dự phòng cả năm 2025 giảm 37% so với cùng kỳ, tương đương chi phí tín dụng ở mức 0,92% và bằng khoảng một nửa so với mức bình quân 1,82% trong giai đoạn 2021-2024.

Chi phí hoạt động tăng mạnh trong Q4/2025

Chi phí hoạt động tăng 39% so với cùng kỳ trong Q4/2025, chủ yếu do chi phí nhân viên tăng 49,5% so với cùng kỳ. Do số lượng nhân viên nhìn chung ổn định so với cùng kỳ, chúng tôi cho rằng chi phí này tăng lên do tiền thưởng cuối năm tăng đáng kể sau nhiều năm kiểm soát chi phí chặt chẽ. Trong năm 2025, chi phí hoạt động tăng 18% so với cùng kỳ, vượt tốc độ tăng trưởng tổng thu nhập hoạt động (tăng trưởng 7%) và khiến hệ số CIR tăng lên 30,4% từ mức thấp kỷ lục 27,5% trong năm 2024 - tuy nhiên CTG vẫn là NHTM có hiệu quả hoạt động tốt nhất trong số các NHTM có vốn nhà nước.

HSC đang xem xét lại khuyến nghị và giá mục tiêu

Sau khi giá cổ phiếu tăng 8,5% trong 1 tháng qua, CTG đang giao dịch với P/B trượt dự phóng 1 năm là 1,44 lần - cao hơn so với bình quân quá khứ ở mức 1,19 lần nhưng vẫn thấp hơn khoảng 30% so với bình quân nhóm NHTM có vốn nhà nước – với hệ số ROE dự phóng năm 2026 cao hơn ở mức khoảng 18% (so với bình quân nhóm NHTM có vốn nhà nước ở mức khoảng 15%). Do tiềm năng tăng giá hạn chế, HSC đang xem xét lại khuyến nghị và giá mục tiêu.

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (nghìn tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Thu nhập lãi	133	124	140	166	189
Chi phí lãi	(79.7)	(62.1)	(74.5)	(90.5)	(101)
Thu nhập lãi thuần	53.0	62.4	65.8	75.7	87.8
Lãi thuần HĐ dịch vụ	7.11	6.70	6.40	7.01	7.72
Lãi thuần HĐ KDNH	4.25	4.20	3.78	3.97	4.16
Lãi/lỗ từ mua bán CK	0.14	(0.20)	1.00	0.30	0.30
Thu nhập từ góp vốn, mua cp	0.29	0.39	0.41	0.43	0.45
Thu nhập khác	5.80	8.42	9.85	11.0	10.8
Tổng thu nhập HĐ	70.5	81.9	87.3	98.4	111
Chi phí HĐ	(20.4)	(22.5)	(24.1)	(25.8)	(27.7)
LN trước dự phòng	50.1	59.4	63.2	72.5	83.5
Chi phí dự phòng	(25.1)	(27.6)	(22.9)	(25.5)	(29.2)
Lãi/lỗ từ Cty LD,LK	-	-	-	-	-
LNTT	25.0	31.8	40.3	47.1	54.2
Chi phí thuế TNDN	(4.94)	(6.28)	(8.05)	(9.41)	(10.8)
Lợi ích cổ đông thiểu số	(0.14)	(0.13)	(0.14)	(0.15)	(0.16)
Lợi nhuận thuần	19.9	25.3	32.1	37.5	43.2
EPS (đồng)	2,563	3,264	4,129	4,829	5,566
DPS (đồng)	0	0	311	346	346
Slg CP bình quân (triệu đv)	7,767	7,767	7,767	7,767	7,767
Slg CP cuối kỳ (triệu đv)	7,767	7,767	7,767	7,767	7,767
Slg CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	7,767	7,767	7,767	7,767	7,767

Bảng cân đối kế toán (nghìn tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Tài sản					
Tiền & tương đương tiền	9.76	11.1	16.9	22.0	24.7
Tiền gửi tại NHNN	40.6	34.4	36.6	42.1	48.4
Tiền gửi tại các TCTD khác	280	378	416	437	459
Chứng khoán kinh doanh	2.49	2.80	2.80	2.96	3.05
Các công cụ tài chính phái sinh	0	0	0	0	0
Số dư cho vay thuần	1,446	1,685	1,975	2,293	2,660
Tổng dư nợ cho vay	1,473	1,722	2,015	2,337	2,711
Dự phòng rủi ro	(27.8)	(36.7)	(39.4)	(44.3)	(50.5)
Chứng khoán đầu tư	181	215	224	234	247
CK đầu tư sẵn sàng để bán	181	189	198	208	218
CK đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	0.86	26.6	26.6	26.6	29.3
Dự phòng rủi ro	(0.25)	(0.59)	(0.59)	(0.59)	(0.59)
Đầu tư dài hạn	3.43	3.93	3.93	3.93	3.93
Tài sản cố định	10.1	10.0	9.86	9.73	9.59
Tài sản khác	59.6	44.7	45.6	46.5	47.4
Tổng tài sản	2,033	2,385	2,731	3,091	3,504
Nợ phải trả	1,907	2,237	2,556	2,884	3,259
Tiền gửi của NHNN	21.8	154	162	113	68.0
Tiền gửi của các TCTD khác	304	276	298	331	361
Tổng tiền gửi KH	1,411	1,606	1,831	2,106	2,422
Trái phiếu và CCTG	115	152	212	276	345
Nợ khác	53.8	48.1	52.7	57.7	63.3
Vốn chủ sở hữu	125	148	174	206	243
Vốn điều lệ	53.7	53.7	53.7	53.7	53.7
Thặng dư vốn cổ phần	8.97	8.97	8.97	8.97	8.97
Lợi nhuận giữ lại	42.4	58.4	78.4	102	131
Quỹ & vốn khác của CSH	20.0	26.5	32.7	40.6	49.7
Lợi ích cổ đông thiểu số	0.86	0.97	1.11	1.26	1.42
Tổng nợ phải trả và vốn CSH	2,033	2,385	2,731	3,091	3,504
BVPS (đồng)	16,095	18,995	22,367	26,474	31,311

Chỉ số tăng trưởng, hiệu quả & định giá	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Chỉ số tăng trưởng					
Tăng trưởng tổng TS (%)	12.4	17.4	14.5	13.2	13.3
Tăng trưởng cho vay KH (%)	15.6	16.9	17.0	16.0	16.0
Tăng trưởng huy động KH (%)	12.9	13.9	14.0	15.0	15.0
Tăng trưởng tiền gửi và CCTG (%)	13.9	15.2	16.2	16.6	16.2
Tăng trưởng VCSH (%)	16.2	18.0	17.8	18.4	18.3
Tăng trưởng thu nhập lãi thuần (%)	10.8	17.8	5.48	15.0	16.0
Tăng/giảm chi phí hoạt động (%)	6.51	10.3	6.78	7.32	7.39
Tăng trưởng LN trước dự phòng (%)	11.5	18.5	6.44	14.8	15.0
Tăng trưởng LNTT (%)	18.3	27.1	26.8	16.9	15.2
Tăng trưởng LN thuần (%)	17.6	27.4	26.5	17.0	15.3

Chỉ số hiệu quả					
Tổng TN HĐ/Tổng TS BQ (%)	3.67	3.71	3.41	3.38	3.37
Chi phí/Tổng TS bình quân (%)	(1.06)	(1.02)	(0.94)	(0.89)	(0.84)
TS sinh lãi BQ/tổng TS BQ (%)	94.7	96.3	97.2	97.3	97.5
Tổng TN HĐ/nhân viên (tỷ đồng)	2.86	3.31	3.49	3.90	4.36
LN thuần/CN, Phòng GD (tỷ đồng)	17.8	22.7	28.7	33.6	38.7

Chỉ số định giá					
P/E (lần)	15.1	11.9	9.38	8.02	6.96
P/B (lần)	2.41	2.04	1.73	1.46	1.24
Lợi suất cổ tức (%)	0	0	0.80	0.89	0.89

Chỉ số lợi nhuận & chỉ số khác	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Chỉ số lợi nhuận					
TN thuần/Tổng TN HĐ (%)	28.2	30.9	36.8	38.1	38.9
ROAA (%)	1.04	1.15	1.25	1.29	1.31
ROAE (%)	17.1	18.6	20.0	19.8	19.3
Chi phí huy động BQ (%)	4.55	3.07	3.18	3.39	3.35
Lợi suất góp BQ (%)	7.30	5.85	5.64	5.86	5.87
Lợi suất thuần (%)	2.75	2.78	2.47	2.47	2.52
Tỷ lệ NIM (%)	2.91	2.93	2.65	2.67	2.73
TN lãi thuần/Tổng TN HĐ (%)	10.1	8.17	7.33	7.13	6.94
Lãi thuần HĐ DV/Tổng TN HĐ (%)	75.1	76.2	75.4	76.9	79.0
TN ngoài lãi khác/Tổng TN HĐ (%)	14.9	15.6	17.2	15.9	14.1
Tỷ lệ CIR (%)	29.0	27.5	27.6	26.3	25.0
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	0	0	7.53	7.16	6.21

Chỉ số an toàn vốn					
Hệ số CAR (%)	9.31	9.54	10.1	10.4	10.8
VCSH/Tổng TS (%)	6.15	6.18	6.36	6.65	6.94
Đòn bẩy vốn (lần)	16.3	16.2	15.7	15.0	14.4

Chỉ số chất lượng tài sản					
Tỷ lệ nợ xấu (%)	1.13	1.25	1.10	1.10	1.10
Hệ số LLR (%)	167	171	178	172	169

Chỉ số thanh khoản					
Hệ số LDR (%)	104	107	110	111	112
Vay liên NH/ Tổng huy động (%)	16.6	13.6	12.7	12.2	11.5
Dư nợ cho vay/ Tổng TS (%)	72.5	72.2	73.8	75.6	77.4

Quy mô					
Số chi nhánh, phòng GD	1,116	1,116	1,116	1,116	1,116
Số lượng nhân viên	24,642	24,731	24,978	25,228	25,480

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2025.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

Nhằm đảm bảo sự tách biệt và tính độc lập giữa chuyên viên phân tích và nhân viên của bộ phận tự doanh, HSC có thể có hoặc không có vị thế tự doanh đối với bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong báo cáo này. Nhân viên của bộ phận tự doanh của HSC có thể tham khảo gợi ý của bộ phận nghiên cứu khi mua hoặc bán các vị thế tự doanh hoặc các vị thế do các quỹ của HSC quản lý nắm giữ. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên viên phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch trái ngược với ý kiến tư vấn. Theo chính sách giao dịch cá nhân, nhân viên của HSC cũng có thể có lợi ích tài chính đối với các chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ liên quan. HSC cũng có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 2, 3, 5, 6, 7, 11 & 12 Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Phường Bến Thành, TP HCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn